

**CÔNG TY TNHH
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ANH
NGỮ QUỐC TẾ EDUSTAR**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Điện Biên, ngày 19 tháng 3 năm 2025

Số : 01/BC-EDU

BÁO CÁO

Tình hình tổ chức đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ giai đoạn 2022-2025

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 về việc quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Trung tâm Ngoại ngữ Anh Ngữ Quốc tế Edustar Điện Biên được cho phép thành lập theo Quyết định số 2828/QĐ- SGDDT ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Điện Biên; Quyết định số 653/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép hoạt động giáo dục đối với Trung tâm Anh ngữ quốc tế Edustar; Quyết định số 1283/QĐ- SGDDT ngày 03/11/2022 v/v gia hạn cấp phép tổ chức hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đối với Trung tâm Anh ngữ quốc tế Edustar trực thuộc Công ty TNHH giáo dục và đào tạo Anh Ngữ Quốc tế Edustar;

Trung tâm Anh ngữ quốc tế Edustar báo cáo tình hình tổ chức đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ giai đoạn 2022-2025, cụ thể như sau:

I. Hồ sơ của Trung tâm

- Giấy phép kinh doanh số: 5600311831 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Điện Biên cấp ngày 03/03/2023;

1. Quyết định thành lập trung tâm số: 2828/QĐ-SGDĐT do Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Điện Biên cấp ngày 05/12/2018 v/v cho phép thành lập Trung tâm Anh ngữ quốc tế Edustar;

- Quyết định cho phép trung tâm hoạt động giáo dục số: 653/QĐ-SGDĐT do Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Điện Biên cấp ngày 31 tháng 01 năm 2019 v/v cấp phép tổ chức hoạt động đào tạo, bồi dưỡng tiếng anh đối với Trung tâm Anh ngữ quốc tế Edustar trực thuộc Công ty TNHH giáo dục và đào tạo Anh Ngữ Quốc tế Edustar;

- Quyết định số 1283/QĐ-SGDĐT ngày 03/11/2022 v/v gia hạn cấp phép tổ chức hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đối với Trung tâm Anh ngữ quốc tế Edustar thuộc Công ty TNHH giáo dục và đào tạo Anh Ngữ Quốc tế Edustar;

- Nội quy tổ chức hoạt động của với Trung tâm Anh ngữ quốc tế Edustar.

Quyết định bổ nhiệm Giám đốc số: 211/TB-SGDĐT do Sở Giáo dục và đào tạo Điện Biên cấp ngày 02/02/2021 v/v công nhận chức danh với Trung tâm Anh ngữ quốc tế Edustar.

- Hồ sơ cán bộ quản lý, giáo viên, kế toán, thủ quỹ, bao gồm: Sơ yếu lý lịch, bằng cấp, CMND, hộ khẩu.

- Hồ sơ minh chứng về đất đai, tài sản, cơ sở vật chất của Trung tâm, bao gồm: Hợp đồng thuê nhà số 01/HĐ-TN ngày 22/02/2023 giữa Ông Nguyễn Đình Hoàn giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn và ĐTXD tỉnh Điện Biên và bà Vũ Thị Như Hằng và Công ty TNHH giáo dục và đào tạo Anh Ngữ Quốc tế Edustar và Phụ lục đính kèm, báo cáo về trang thiết bị làm việc của Trung tâm;

- Hồ sơ quản lý các hoạt động dạy học của Trung tâm Anh ngữ quốc tế Edustar.

II. Các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo, bồi dưỡng

1. Trang thiết bị làm việc của văn phòng; lớp học, phòng thực hành, cơ sở phục vụ đào tạo trong đó phải có văn bản chứng minh về quyền sử dụng hợp pháp đất, nhà; nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động của trung tâm (Phụ lục số 01 kèm theo)

Trung tâm Anh ngữ quốc tế Edustar. đặt tại: Số 567 tổ dân phố 3, Phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Trung tâm có diện tích sử dụng 150m², bao gồm: 02 phòng học và phòng làm việc, trong đó có văn phòng, phòng học, trang thiết bị, phương tiện dạy học, đảm bảo đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập. Cụ thể:

Thiết bị văn phòng: bàn, ghế, máy tính, máy in, máy photocopy ...và các thiết bị khác;

- Các điều kiện theo quy định về phòng chống cháy, nổ, vệ sinh môi trường, y tế và an ninh của trung tâm.

- Việc trang bị các biển hướng dẫn, thông báo, nội qui và bình bột, bình khí CO₂ Phòng cháy chữa cháy; văn bản cấp phép của phòng PCCC.

- Kinh phí hoạt động: 500.000.000 đồng

2. Chương trình, giáo trình, tài liệu dạy học, học phí, lệ phí (Phụ lục 02)

a) Chương trình, tài liệu dạy học

Trung tâm thực hiện chương trình giảng dạy theo đúng các quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo về khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, khung tham chiếu Châu Âu, phù hợp với điều kiện của người học và sự phát triển của địa phương. Đã quan tâm cập nhật các phương pháp dạy và học, giới thiệu chương trình và tài

liệu mới cho các đối tượng có nhu cầu học tập, nâng cao kiến thức theo quy định hiện hành, gồm: Chương trình giáo dục thường xuyên về tiếng Anh thực hành ban hành kèm theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02/12/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chương trình đào tạo tiếng Anh giao tiếp tổng quát; Chương trình luyện ngữ pháp tiếng Anh; Chương trình luyện thi các chứng chỉ quốc tế TOEIC, IELTS, TOEFL; Chương trình Anh văn thiếu nhi, nhi đồng, thiếu niên; Các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ khác.

- Bồi dưỡng học sinh từ 3 - 5 tuổi theo 2 kỹ năng nghe nói: Mục tiêu của Chương trình: giúp trẻ em mầm non làm quen bảng chữ cái, từ, cụm từ ngữ và cách tiếp xúc với ngôn ngữ thường xuyên nhất thông qua các bài hát phù hợp lứa tuổi và các hoạt động vui chơi thú vị đầy cảm hứng tiếp xúc ngôn ngữ một cách tự nhiên nhất với giáo viên ngôn ngữ và các hoạt động tương tác sống động đọc, viết, kể chuyện.

Thời gian học 24 buổi = 48 h/1 khóa, mỗi buổi học 2h.

- Bồi dưỡng học sinh từ 6 - 16 tuổi theo 4 kỹ năng nghe - nói - đọc - viết: Mục tiêu giúp các em rèn luyện kỹ năng nghe - nói - đọc - viết đạt chuẩn tham chiếu Châu Âu và 6 bậc dùng cho Việt Nam đối với học sinh tiểu học cấp độ A1 (Cơ bản) trung học cơ sở cấp A2 (sơ cấp) trung học phổ thông cấp B1 (trung cấp) để các em phát triển năng lực giao tiếp tương ứng nhấn mạnh vào việc hình thành phát triển năng lực giao tiếp của học sinh. Giúp tiếp thu ngôn ngữ tự nhiên, tạo môi trường khuyến khích hồi đáp phi ngôn ngữ. Đối tượng: học sinh tiểu học, THCS, THPT. : thời gian hoàn thành khoá học là 1,5 - 3 tháng, được chia làm 24 buổi học (2-3 buổi/1 tuần), mỗi buổi khoảng 2h.

- Chương trình tiếng Anh tổng quát theo khung tham chiếu Châu Âu: Mục tiêu: phát triển toàn diện kỹ năng ngôn ngữ của học viên đáp ứng nhu cầu giao tiếp trong đời sống, trong công việc. Đối tượng: Học viên từ cấp độ từ căn bản đến trung cấp theo khung chuẩn thông thạo ngoại ngữ Châu Âu CEFR đối với các cấp độ A1 (căn bản) A2 (sơ cấp) B1 (trung cấp). Chương trình: Chương trình giáo dục thường xuyên về tiếng Anh thực hành ban hành kèm theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). Thời gian hoàn thành mỗi khoá học là 6 đến 12 tuần, được chia ra 24 buổi (2-3 buổi/tuần), mỗi buổi học 2h.

- Tiếng Anh thương mại: Mục tiêu: Đáp ứng nhu cầu tiếng Anh trong các tình huống điển hình của văn phòng, tổ chức sự kiện, trao đổi email, soạn thảo báo cáo, trình bày ý tưởng... Đối tượng: Cho nhân viên công sở, sinh viên ngành thương mại... Trình độ tiếng Anh đạt mức A2 - B1 trở lên. Thời gian hoàn thành mỗi khoá học là 6 đến 12 tuần, được chia ra 24 buổi (2-3 buổi/tuần), mỗi buổi học 2h.

- Chương trình tiếng Anh luyện kỹ năng: Chương trình này giúp học viên phát triển kỹ năng riêng biệt nghe - nói, luyện phát âm, luyện viết hoặc ngữ pháp tương ứng cấp độ tiếng anh từ A1, A2, B1 đến C1 (nâng cao).

- Chương trình kỹ năng tiếng Anh học thuật: Chương trình này hướng đến việc trang bị nền tảng tiếng Anh học thuật (nghe - nói - đọc - viết - ngữ pháp - phát âm) để chuẩn bị cho các học viên theo học các khóa học tiếp theo hướng đến các chứng

chỉ tiếng Anh quốc tế chuẩn theo CEF (tiêu biểu các chứng chỉ Cambridge KET, PET, FCE) hoặc các kỳ thi TOEFL, IELTS, TOEIC.

- Tài liệu dạy học, gồm:
- Giáo trình và Flash Card: từ 3 - 5 tuổi: giáo trình Show and Tell của Nhà xuất bản OXFORD;
- Từ 6-9 tuổi: giáo trình Super Kids của Nhà xuất bản LONGMAN.
- Từ 10-14 tuổi : giáo trình Oxford Discover của nhà xuất bản OXFORD
- Từ 14-16 tuổi: Giáo trình Oxford Future của Nhà xuất bản OXFORD
- Giáo trình tham khảo: Hướng dẫn sơ lược về lối sống, phong tục tập quán hàng ngày, các từ chuyên ngành tùy theo công việc của học viên.
- Chương trình tiếng Anh tổng quát theo khung tham chiếu Châu Âu: Giáo trình: SPEAK OUT 2ND EDITION nhà xuất bản OXFORD. Sách tham khảo: Tài liệu tham khảo về đất nước, con người, văn hóa các quốc gia...
- Tiếng Anh thương mại: Giáo trình: Life style nhà xuất bản OXFORD. Sách tham khảo: Tài liệu tham khảo, sách chuyên ngành...
- Chương trình tiếng Anh luyện kỹ năng: Giáo trình English Grammar Lourse nhà xuất bản OXFORD.

b) Học phí, lệ phí

- Học phí thu các khóa học cụ thể như sau:

Số TT	Tên chương trình	Thời gian học/khoá	Số giờ học/khoá	Học phí (Dự kiến)	
				Nước ngoài (VND/tháng)	Việt Nam (VND/tháng)
1	Chương trình tiếng Anh mẫu giáo (từ 3 đến 5 tuổi)	196 giờ/khoá	- 98 buổi/khoá (áp dụng với những buổi học 2 giờ)	1.466.700	
2	Anh văn Thiếu nhi (từ 6 đến 14 tuổi)	196 giờ/khoá	- 98 buổi/khoá (áp dụng với những buổi học 2 giờ)	1.466.700	
3	Tiếng anh học thuật trung học (14 đến 16 tuổi)	196 giờ/khoá	98 buổi/khoá (áp dụng với những buổi học 2 giờ)	1.800.000	

Số TT	Tên chương trình	Thời gian học/khoá	Số giờ học/khoá	Học phí (Dự kiến)	
				Nước ngoài (VND/tháng)	Việt Nam (VND/tháng)
4	Luyện thi Ielts (Từ 16 tuổi trở lên)	196 giờ/khoá	- 98 buổi/khoá (áp dụng với những buổi học 2 giờ)	2.000.000	
5	Tiếng Anh giao tiếp Quốc Tế Toeic (Từ 16 tuổi trở lên)	196 giờ/khoá	- 98 buổi/khoá (áp dụng với những buổi học 2 giờ)	2.000.000	

(Các chương trình chi tiết kèm theo Phụ lục số 02)

- Lệ phí: Không

3. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên tham gia giảng dạy, nhân viên

- Cán bộ quản lý của trung tâm: Số lượng: 01, trình độ theo quy định (bao gồm: 01 Giám đốc trung tâm.

- Giáo viên của Trung tâm: Số lượng: 01 giáo viên. Trong đó:

+ Giáo viên dạy tiếng Anh là người nước ngoài: 01 người (giấy phép lao động, hộ chiếu, visa, bằng tốt nghiệp, trình độ: Cử nhân. Chứng chỉ phát triển kỹ năng thực hành nghiệp vụ; Chứng chỉ tiếng Anh trình độ 5 của Cambridge về giảng dạy tiếng Anh cho người nói ngôn ngữ khác (CELTA) (QCF); Chứng chỉ hiểu được Ngôn ngữ, Phương pháp luận và Nguồn tài liệu phục vụ Giảng dạy.

+ Giáo viên nước ngoài: Đảm bảo đủ giáo viên giảng dạy ngoại ngữ đạt chuẩn, theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam. Giáo viên là người nước ngoài có bằng cấp sư phạm tiếng anh hoặc chuyên ngành tiếng anh và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm.

+ Giáo viên người Việt Nam: 0 người; trình độ....: văn bằng, chứng chỉ:; hồ sơ giáo

- Nhân viên: 05 Số lượng, trình độ: Đại học

(Phụ lục 03 - Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên)

III. Kết quả tổ chức đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ

- Công tác quản lý, chỉ đạo tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh và thực hiện chỉ tiêu tuyển.

- Công tác quản lý, chỉ đạo việc chọn, cử giảng viên tham gia giảng dạy và việc thực hiện chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của trung tâm.

- Công tác quản lý học sinh, học viên.

- Số lớp, số học viên theo từng loại hình, trình độ giai đoạn 2020-2022:

Năm	Loại hình	Số học viên đăng ký mới	Đã học xong	Đang học	Ghi chú
2022	- Chương trình tiếng Anh mẫu giáo (từ 3 đến 5 tuổi)	31	31	0	
	- Anh ngữ Thiếu nhi (từ 6 đến 14 tuổi)	99	99	0	
	- Tiếng Anh học thuật trung học (từ 14 đến 16 tuổi)	74	74	0	
2023	- Chương trình tiếng Anh mẫu giáo (từ 3 đến 5 tuổi)	42	42	0	
	- Anh ngữ Thiếu nhi (từ 6 đến 11 tuổi)	164	164	0	
	- Tiếng Anh học thuật trung học (từ 11 đến 16 tuổi)	92	92	0	
2024	- Chương trình tiếng Anh mẫu giáo (từ 3 đến 5 tuổi)	31	31	31	
	- Anh ngữ Thiếu nhi (từ 6 đến 14 tuổi)	135	135	80	
	- Tiếng Anh học thuật trung học (từ 14 đến 16 tuổi)	132	132	80	
	Tổng cộng			191	

- Chứng chỉ sẽ cấp cho học viên khi kết thúc khóa học; Công tác quản lý, cấp phát chứng chỉ (nếu có): Trung tâm không cấp chứng chỉ, chỉ cấp chứng nhận hoàn thành khóa học cho học viên

IV. Công tác quản lý tài chính của trung tâm

Tổng thu từ học phí trong năm 2022: 1.595.950 VNĐ, năm 2023: 1.683.255.000VNĐ, năm 2024: 2.463.198VNĐ

- Tổng chi mua sắm trang thiết bị, công cụ học tập năm học 2022: 51.129 VNĐ, năm 2023: 367.783.684 VNĐ, năm 2024: 38.750.001 VNĐ,

- Chi phí thuê nhà: 315.000.000 VNĐ

- Chi phí trả lương nhân viên, đóng bảo hiểm, Chi phí điện, nước, mạng, điện thoại và các chi phí dịch vụ khác

- Việc thu, chi, quản lý, sử dụng tài chính của trung tâm; việc chấp hành các chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế, thống kê báo cáo định kỳ và công khai tài chính theo quy định của pháp luật: Công ty thực hiện đúng quy định về quản lý tài chính, báo cáo tài chính, đóng bảo hiểm cho người lao động sau khi kết thúc 2 tháng thử việc, quyết toán thuế thu nhập cá nhân,...

V. Đánh giá chung

1. Ưu điểm

Trung tâm được sự chỉ đạo sát sao của các cấp các ngành thực hiện nghiêm túc quy định pháp luật.

Đội ngũ cán bộ nhân viên là người có tâm huyết, chuyên môn hoạt động tích cực trong công tác đào tạo bồi dưỡng ngoại ngữ

Học viên trung tâm tham gia học nhận được phản hồi tích cực từ phía phụ huynh và học viên, học viên có kết quả học tập tốt tại trung tâm tại trường đạt thành tích học tập tốt

2. Hạn chế:

Trong quá trình tổ chức hoạt động, Trung tâm còn gặp nhiều khó khăn trong công tác tiếp cận, tuyển sinh các đối tượng học sinh trên địa bàn thành phố. Trung tâm rất mong nhận được sự giúp đỡ của Sở Giáo dục và Đào tạo, phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố và các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố.

VI. Đề xuất, kiến nghị

Trên đây là báo cáo của Trung tâm Anh ngữ quốc tế Edustar về tình hình tổ chức đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ giai đoạn 2022-2025. Kính mong nhận được sự quan tâm, chỉ đạo, tạo điều kiện của Sở Giáo dục và Đào tạo để Trung tâm được hoạt động đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu: Văn thư.

GIÁM ĐỐC



Vũ Thị Như Hằng

Phụ lục 01

**TRANG THIẾT BỊ LÀM VIỆC CỦA VĂN PHÒNG,
LỚP HỌC CƠ SỞ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NGOẠI NGỮ**
(Đính kèm Báo cáo số 02/BC-EDUSTAR ngày 19 tháng 3 năm 2025)



Số TT	Danh mục	Đơn VT	Số lượng	Ghi chú
I	Phòng học	Phòng	2	Phòng 1: 45 m ² Phòng 2: 55 m ²
	Phòng làm việc	Phòng	1	Phòng làm việc: 28m ²
	Phòng chờ (chỗ nghỉ cho giáo viên)	Phòng	1	Phòng lễ tân: 18m ²
II	Trang thiết bị			
1	Bàn giáo viên	Cái	2	
2	Bàn + ghế học sinh	Bộ	15	Bộ bàn ghế
			13	Bàn gỗ
			38	Ghế nhựa
3	Bảng	Cái	2	
4	Sách, giáo trình	Bộ		
5	Máy tính	Cái	1	
6	Máy in	Cái	1	
7	Bàn làm việc Văn phòng	Cái	1	
8	Ti vi	Cái	2	
9	Tủ đựng tài liệu	Cái	1	
10	Bàn ghế Sofa	Bộ	1	

Phụ lục 02:

**CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRUNG TÂM ANH NGỮ QUỐC TẾ EDU STAR THỰC HIỆN**

1. Chương trình Anh ngữ thiếu nhi (3 - 5 Tuổi)

ANH NGỮ THIẾU NHI (Từ 3 đến 5 tuổi)					
Trình độ	Cấp độ (giáo trình)	Giờ học	Học phí (VNĐ)/ tháng		Học sinh/lớp
			Nước ngoài	Việt Nam	
Starters	Show and Tell 1A	196 giờ	1.466.700		10 -20
	Show and Tell 1B	196 giờ	1.466.700		10 -20
Movers	Show and Tell 2A	196 giờ	1.466.700		10 -20
	Show and Tell 2B	196 giờ	1.466.700		10 -20
	Show and Tell 1	196 giờ	1.466.700		10 -20
Flyers	Show and Tell 2	196 giờ	1.466.700		10 -20
	Show and Tell 3	196 giờ	1.466.700		10 -20
	Show and Tell 3	196 giờ	1.466.700		10 -20

2. Chương trình Anh ngữ nhi đồng (6 - 14 tuổi)

ANH NGỮ THIẾU NHI (Từ 6 đến 14 tuổi)					
Trình độ	Cấp độ (giáo trình)	Giờ học	Học phí (VNĐ)/ tháng		Học sinh/lớp
			Nước ngoài	Việt Nam	
Starters	Super kids 1-2-3	196 giờ	1.466.700		10 -20
	Super kids 4-5-6	196 giờ	1.466.700		10 -20
Movers	Oxford Discover 1	196 giờ	1.800.000		10 -20
	Oxford Discover 2	196 giờ	1.800.000		10 -20
	Oxford Discover 3	196 giờ	1.800.000		10 -20
Flyers Starters	Oxford Discover 4	196 giờ	1.800.000		10 -20
	Oxford Discover 5	196 giờ	1.800.000		10 -20
	Oxford Discover 6	196 giờ	1.800.000		10 -20

3. Anh Ngữ Thiếu niên (13 – 16 tuổi)

ANH NGỮ THIẾU NIÊN (Từ 14 đến 16 tuổi)					
Trình độ	Cấp độ (giáo trình)	Giờ học	Học phí (VNĐ)/ tháng		Học phí (VNĐ)
			Nước ngoài	Việt Nam	
1	Oxford Future 1	196 giờ	1.800.000		10 - 20
2	Oxford Future 2	196 giờ	1.800.000		10 - 20
3	Oxford Future 3	196 giờ	1.800.000		10 - 20
4	Oxford Future 4	196 giờ	1.800.000		10 - 20
5	Oxford Future 5	196 giờ	1.800.000		10 - 20
6	Oxford Future 6	196 giờ	1.800.000		10 - 20

4. Anh ngữ giao tiếp

Khóa học:

TIENG ANH GIAO TIAP TONG QUAT					
Trình độ	Cấp độ	Giờ học	Học phí (VNĐ)/tháng		Học phí (VNĐ)
			Nước ngoài	Việt Nam	
Starter	Starters	196 giờ	2.000.000		10-15
	Higher Starters	196 giờ	2.000.000		10-15
Elementary	Elementary	196 giờ	2.500.000		10-15
	Higher Elementary	196 giờ	2.500.000		10-15
Pre- Intermediate	Pre-Intermediate	196 giờ	2.500.000		10-15
	Higher Pre-Intermediate	196 giờ	2.500.000		10-15
	Upper-Intermediate	196 giờ	2.500.000		10-15
Upper- Intermediate	Higher Upper-Intermediate	196 giờ	2.500.000		10-15
Advanced	Advanced	196 giờ	2.500.000		10-15

ĐÀO TẠO KỸ NĂNG GIAO TIẾP (Du lịch, thương gia, công nhân viên chức...)					
Trình độ	Cấp độ	Giờ học	Học phí (VNĐ)/tháng		Số học viên/lớp
			Nước ngoài	Việt Nam	
Starter	Starters	196 giờ	2.000.000		10-15
	Higher Starters	196 giờ	2.000.000		10-15
Elementary	Elementary	196 giờ	2.000.000		10-15
	Higher Elementary	196 giờ	2.000.000		10-15
Pre-Intermediate	Pre-Intermediate	196 giờ	2.000.000		10-15
	Higher Pre-Intermediate	196 giờ	2.000.000		10-15

5. Luyện ngữ pháp chuyên nghiệp

Trình độ	Cấp lớp	Thời gian	Học phí (VNĐ)		HV/lớp	Giáo Trình Giảng dạy
			Nước ngoài	Việt Nam		
Grammar	Pre-Basic	196 giờ	2.000.000		10—15	Living Grammar Elementary
	Basic	196 giờ	2.000.000		10—15	Living Grammar Elementary
	Intermediate	196 giờ	2.000.000		10—15	Living Grammar Pre-Intermediate
	Higher-Intermediate	196 giờ	2.000.000		10—15	Living Grammar Pre-Intermediate
	Advanced	196 giờ	2.000.000		10--15	Living Grammar Intermediate

6. Luyện thi TOEIC

Khoá học

TIẾNG ANH GIAO TIẾP QUỐC TẾ TOEIC					
Trình độ	Cấp lớp	Giờ học	Học phí (VNĐ)/ tháng		HV/lớp
			Nước ngoài	Việt Nam	
Starters	TOEIC 400	196 giờ	2.000.000		10--15
	TOEIC 450	196 giờ	2.000.000		10--15
Movers	TOEIC 500	196 giờ	2.000.000		10--15
	TOEIC 550	196 giờ	2.000.000		10--15
	TOEIC 600	196 giờ	2.000.000		10--15
	TOEIC 650	196 giờ	2.000.000		10--15
Explorers	TOEIC 700	196 giờ	2.000.000		10--15
	TOEIC 750	196 giờ	2.000.000		10--15
	TOEIC 800	196 giờ	2.000.000		10--15

7. Luyện thi IELTS

Khóa học

Chương trình	Cấp độ	Thời gian	Học phí (VNĐ)/tháng	
			Nước ngoài	Việt Nam
Starter	IELTS 4.0	196 giờ	2.000.000	
	IELTS 5.0	196 giờ	2.000.000	
Movers	IELTS 5.5	196 giờ	2.000.000	
	IELTS 6.0	196 giờ	2.000.000	
	IELTS 6.5	196 giờ	2.000.000	

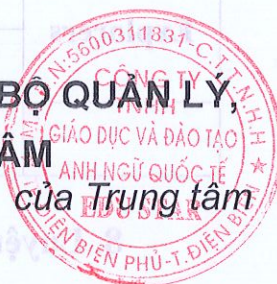
Explorers	IELTS 7.0	196 giờ	2.000.000	
	IELTS 7.5	196 giờ	2.000.000	
	IELTS 8.0	196 giờ	2.000.000	

8. Luyện thi TOEFL

Khoá học					
Trình độ	Cấp độ	Thời gian	Học phí (VNĐ)/tháng		Học viên/lớp
			Nước ngoài	Việt Nam	
Starter	TOEFL 20	196 giờ	2.000.000		10 - 15
	TOEFL 30	196 giờ	2.000.000		10 - 15
Movers	TOEFL 40	196 giờ	2.000.000		10 - 15
	TOEFL 50	196 giờ	2.000.000		10 - 15
	TOEFL 60	196 giờ	2.000.000		10 - 15
Explorers	TOEFL 70	196 giờ	2.000.000		10 - 15
	TOEFL 80	196 giờ	2.000.000		10 - 15
	TOEFL 90	196 giờ	2.000.000		10 - 15

Phụ lục 03:

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ,
GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN CỦA TRUNG TÂM**
(Kèm theo Báo cáo số 29/BC-TTNNNQTEDUSTAR của Trung tâm
Ngoại ngữ Edu Star)



Phòng ban	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn
Giám đốc	Hoàng Thị Ánh Vân	1988	Đại học Sư phạm Ngoại Ngữ - Đại học Sư phạm Hà Nội Địa chỉ : Tổ 1, Thanh Minh, TP Điện Biên Phủ, t Điện Biên ĐT: 0915931508
Phòng Đào tạo	Đinh Diệu Linh	1994	Đại học Ngoại Ngữ - đại học quốc gia Hà Nội -Chuyên môn , tuyển sinh Địa chỉ : C.H.C.C Số 3006-V3- Tòa nhà Home City- tổ 45 Phố Trung Kính, P Yên Hòa, Q.Cầu Giấy Hà Nội đt 0915568289
Phòng khách hàng	Hoàng Thị Thu Hương	1981	Đại học Mầm Non Chăm sóc khách hàng , tuyển sinh Địa chỉ : sn219, tổ 10, p Thanh Trường, tp Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, đt 0946068066
Phòng kế toán	Hoàng Thị Thu Hiền	1976	Học viện tài chính Nhiệm vụ :Kế toán viên Địa chỉ :sn 91, tổ 16, p Mường Thanh, tp Điện Biên phủ, đt 0915332000

Giáo viên giảng dạy Tiếng Anh (Chuyên môn)	1. Levon Hakobyan Branett	1986	Cử nhân luật _đại học Southem University , cử nhân khoa học _ đại học The California State University .Chứng chỉ phát triển kỹ năng thực hành nghiệp vụ . chứng chỉ tiếng anh trình độ 5 của Cambridge về giảng dạy tiếng Anh cho người nói ngôn ngữ khác (CELTA) (QCF). chứng chỉ hiểu được Ngôn ngữ , Phương pháp luận và Nguồn tài liệu phục vụ Giảng dạy Địa chỉ: sn 73, tổ 4, p Mường Thanh, tp Điện Biên Phủ, đt 0825777152
	2. Hoàng Thị Ánh Vân	1988	Đại học Sư phạm Hà Nội; Chuyên ngành: Sư phạm Tiếng Anh. Trợ giảng Địa chỉ : Tổ 1, Thanh Minh, TP Điện Biên Phủ, t Điện Biên Đt: 0915931508

